

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung; ông Nguyễn Tiến Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa:** ông Dương Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021, về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1988; trú tại thôn Đồng Văn, xã Đồng Quế, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1993; nơi ĐKKH: thôn Đồng Văn, xã Đồng Quế, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện nay đang đang làm việc tại công ty luxshare ICT khu Công nghiệp Vân Trung, Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2021, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H ngày 01/12/2014. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Quế, huyện Sông Lô. Sau khi kết hôn chị Hương về chung sống cùng gia đình anh tại xã Đồng Quế. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, từ khi vợ chồng sống ly thân chị Hương đưa con về ở cùng bố mẹ chị H tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân hai bên gia đình cũng như hai vợ chồng không có biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị Hương.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân như anh B trình bày là đúng. Nay anh B xin ly hôn chị, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đồng ý ly hôn với anh B.

- Về con chung: Anh B, chị H đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang U, sinh ngày 05/11/2015. Hiện nay cháu U đang ở với chị H từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Ly hôn anh B và chị H thỏa thuận để chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu U đến khi đủ 18 tuổi, anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị H 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2022.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh B, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô trình phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô không có yêu cầu hay kiến nghị gì và Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh B. Xử cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

Xử về nuôi con chung: giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang U, sinh ngày 05/11/2015 đến khi trưởng thành, anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Thanh B khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình, anh B có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn chị H. Bị đơn chị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đồng Văn, xã Đồng Quế, huyện Sông Lô. Nay chị đang làm công nhân tại Bắc Giang và chị có đơn đề nghị tron Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết việc ly hôn nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Sông Lô. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 69 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Thanh H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Quế, huyện Sông Lô. Xét nguyện vọng xin ly hôn của anh B là có căn cứ vì quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đồng ý xin được ly hôn với anh B. Việc thuận tình ly hôn giữa anh B và chị H là hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Nhưng do chị H vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử anh B được ly hôn chị H.

Về nuôi con chung: Anh B, chị H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang U, sinh ngày 05/11/2015. Ly hôn anh B và chị H thỏa thuận để chị H tiếp tục được nuôi con và anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Do vậy Hội đồng xét xử giao cháu U cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành và anh B cấp dưỡng nuôi con cùng chị H 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh B và chị H không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét quyết định.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh B: Xử cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Quang U, sinh ngày 05/11/2015, (hiện nay cháu U đang ở cùng chị H). Anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh B phải chịu 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002314 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Sông Lô. Anh B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh B còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Thanh B không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Quế;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiên Thành

Sông Lô, ngày 29 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 50 phút ngày 29 tháng 4 năm 2022

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Lê Trung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 130/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về: “Tranh chấp hôn nhân gia đình” giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh Ba, sinh năm 1988; trú tại thôn Đồng Văn, xã Đồng Quế, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Hương, sinh năm 1993; nơi ĐKKH: thôn Đồng Văn, xã Đồng Quế, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện nay đang đang làm việc tại công ty luxshare ICT khu Công nghiệp Vân Trung, Bắc Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh Ba: Xử cho anh Nguyễn Thanh Ba được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh Hương.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh Hương tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Quang Uy, sinh ngày 05/11/2015, (hiện nay cháu Uy đang ở cùng chị Hương). Anh Ba cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hương 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Uy đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Ba phải chịu 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002314 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi

hành án dân sự Sông Lô. Anh Ba đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Ba còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị Nguyễn Thị Thanh Hương có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Thanh Ba không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật. Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 20 phút, ngày 29 tháng 4 năm 2022.

Biên bản làm xong đã đọc lại các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Trung

Nguyễn Tiến Dũng

Nguyễn Kiên Thành